

Bản án số: 399/2023/HS-PT

Ngày: 28-11-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Ông Huỳnh Văn Trực

2. Ông Nguyễn Văn Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Nam – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 349/2023/HSPT ngày 06 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Lê Trọng T do có kháng cáo của bị cáo T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 295/2023/HS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo kháng cáo:

Lê Trọng T; Giới tính: Nam; sinh ngày 28/6/1979 tại Thanh Hóa; Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: 4 đường Đ, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Tổ I, Ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: Lê Trọng T1 và con bà Lê Thị N; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ, chưa có con; Tiền sự: không;

Tiền án:

1) Ngày 09/4/2010, bị Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (theo Bản án số: 61/2010/HSPT), chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/01/2011;

2) Ngày 10/12/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đắk R' Lấp, tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù về Tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 63/2012/HSST);

3) Ngày 23/4/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 07/2013/HSST). Tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù tại Bản án số 63/2012/HSST của Tòa án nhân dân huyện Đắk R' Lấp, tỉnh Đắk Nông, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm 09 tháng tù, đến ngày 08/10/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 22/11/2022 bị cáo mới đóng án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm (Theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0098378 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 19/3/2021, Lê Trọng T điều khiển xe mô tô biển số 78H7-5661 đi vòng quanh trong Chợ Đầu mối nông sản thực phẩm T, thuộc khu phố E, phường T, thành phố T để trộm cắp tài sản. Khi đến đối diện vừa nông sản F1.24, Thử nhìn thấy trên xe ba gác của anh Lê Hoàng N1 có treo 01 túi chanh tươi (khoảng 10 kg) nhưng không có người trông coi. Thử điều khiển xe tiếp cận rồi lấy túi chanh tươi để lên ba ga xe của T và nhanh chóng bỏ đi. Khi T vừa đi ra ngã tư chốt A4 thì bị anh N1 phát hiện và điều khiển xe mô tô đuổi theo, đi được khoảng 20 mét thì tông vào xe máy của T làm T ngã xuống đường. Thấy vậy, bảo vệ của chợ đến hỗ trợ bắt giữ T và trình báo Công an phường Tam Bình xử lý. Qua xác minh vụ việc vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm nên ngày 22/6/2021 Công an phường Tam Bình chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thủ Đức để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 174A-KV3/KLDG-IIDDGTS ngày 30/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự, kết luận: 10kg chanh tươi, có giá trị 230.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 295/2023/HS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Lê Trọng T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, cùng ngày 27/7/2023 bị cáo Lê Trọng T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Trọng T khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Lê Trọng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nhận thấy, mức án 09 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào lúc 04 giờ 00 phút ngày 19/3/2021, tại Chợ Đ thuộc khu phố E, phường T, thành phố T, Lê Trọng T đã lén lút chiếm đoạt 10kg chanh tươi (qua định giá có giá trị là 230.000 đồng) thì bị bắt giữ. Bản thân Lê Trọng T đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích.

Với hành vi và nhân thân như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Trọng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Ngày 27/7/2023, Tòa án xét xử sơ thẩm, cùng ngày 27/7/2023 bị cáo Lê Trọng T làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ nên cần có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử còn xem xét đến tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo.

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bản thân bị cáo có tiền án, nhưng tiền án này đã được dùng làm tình tiết định tội nên không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 luật Hình sự năm 2015. Và Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ này để tuyên phạt bị cáo mức án 09 tháng tù.

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình thêm tình tiết nào mới để xem xét cho yêu cầu kháng cáo của bị cáo, nhưng xét về tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án này có giá trị không lớn, đã được thu hồi trả lại cho bị hại và hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, bị cáo trực tiếp chăm sóc cha mẹ già, bị bệnh tăng huyết áp, thiếu năng tuần hoàn não, vợ bị cáo cũng bị bệnh thiếu máu, khi biết bản thân bị truy nã thì bị cáo đã đến công an đầu thú nên cũng cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3.4] Với hành vi phạm tội, tính chất của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu ở trên thì mức hình phạt 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm cần giảm một phần hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải nộp án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 345; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Trọng T và sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Lê Trọng T** 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo T không phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND thành phố Thủ Đức; (1)
- P.PC 53- CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- THA thành phố Thủ Đức; (2)
- TAND thành phố Thủ Đức; (2)
- Công an thành phố Thủ Đức; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Ngọc Thắng